

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-PT

Ngày 25 - 01 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc kiện tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1984;

Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1986;

Trú tại: Thôn 1, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nông Văn M, sinh năm: 1984;

Bà Trương Thị H, sinh năm: 1987;

Trú tại: Thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H ủy quyền cho ông Nông Quốc S, sinh năm: 1971;

Trú tại: Thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Lâm Xuân M1, sinh năm: 1973;

Bà Đoàn Thị Xuân T, sinh năm: 1972;

Trú tại: Thôn 4, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1967

Trú tại: Thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn 1, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nông Văn M.

(Ông M, ông S có mặt tại phiên tòa; ông A, bà L, ông M1, bà T, ông V, bà M2
có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L thì:

Vào năm 2013, ông A, bà L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị M2 (vợ ông Phạm Văn H1) diện tích đất 20.855m² tại thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng với giá 100.000.000đ. Khi nhận sang nhượng thì toàn bộ diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Văn H1 (đã chết), bà Nguyễn Thị M2. Các bên đã tiến hành giao diện tích đất trên thực địa, có chỉ ranh giới với các hộ giáp ranh, tuy nhiên không lập thành văn bản.

Sau đó, bà M2 đã làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A, bà L. Đến ngày 19/7/2013, thì ông A, bà L được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 225074, BO 225075, BO 225076 với tổng diện tích 20.855m² thuộc các thửa 9, 10, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện trạng khi nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có trồng cây cà phê, nhưng do không được chăm sóc tốt số cây cà phê này đã chết gần hết nên ông A, bà L cho người nhà canh tác hoa màu, cây ngắn ngày trên diện tích đất nói trên cho đến nay. Vào năm 2015, ông, bà phát hiện diện tích đất của mình bị hộ giáp ranh là hộ ông M, bà H lấn chiếm và đã rất nhiều lần đến gặp để yêu cầu ông M, bà H trả lại diện tích đã lấn chiếm nhưng không có kết quả.

Nay ông A, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà H phải trả lại cho ông, bà 876m² đất lấn chiếm thuộc các thửa 9, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Đối với cây trồng trên đất thì ông, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cây trồng cho ông M, bà H.

Ngoài ra, vợ chồng ông A, bà L không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H trình bày:

Tháng 4/2008 ông, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lâm Xuân M1, bà Đoàn Thị Xuân T và ông Đinh Văn C hai lô đất có diện tích khoảng 2 héc ta tại xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Trong đó, lô đất nhận chuyển nhượng của ông M1, bà T đang có tranh chấp với vợ chồng ông A, bà L. Khi chuyển nhượng thì các bên có viết giấy tay, có xác nhận của chính quyền địa phương và ông, bà đã sử dụng ổn định theo hiện trạng cho đến nay. Ông, bà đã tiến hành trồng cây cà phê trên toàn bộ diện tích đất này trong đó có cả phê kinh doanh và cả phê đang trong giai đoạn kiến tạo. Ngoài ra, còn trồng một số cây trồng khác như bơ, dứa...với số lượng ít. Giáp ranh với đất của ông A, bà L thì ông, bà có trồng chuối và có mọc lan sang một ít phần đất của ông A, bà L, ông, bà sẽ có trách nhiệm chặt đi để trả lại phần đất này khi có yêu cầu. Trong suốt thời gian canh tác thì không ai có ý kiến hay tranh chấp gì nhưng đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông A, bà L.

Đối với yêu cầu khởi kiện vợ chồng ông A, bà L thì ông, bà không đồng ý vì ông, bà không hề lấn chiếm đất.

Ngoài ra, ông bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M2 trình bày:

Năm 2013, sau khi chồng là ông Phạm Văn H1 chết thì bà có chuyển nhượng diện tích hơn 2 héc ta tại thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông A, bà L. Diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà; sau đó bà đã làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông A, bà L.

Khi chuyển nhượng thì hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, có tiến hành chỉ đất và giao nhận đất trên thực tế nhưng không xác định ranh giới với các hộ đất liền kề cũng như đo đạc cụ thể diện tích lô đất chuyển nhượng. Nhưng bà xác định tổng diện tích đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông A, bà L bằng với diện tích mà hiện nay ông A, bà L đã được sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng đất thì bà không biết hộ ông M có lấn chiếm diện tích đất của bà hay không vì diện tích đất khá rộng và các bên cũng không đo đạc cụ thể.

Nếu hộ ông M lấn chiếm diện tích đất mà bà đã chuyển nhượng cho ông A, bà L thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao diện tích đất trên lại cho vợ chồng ông A, bà L. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông A, bà L thì các bên không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

- Vợ chồng ông Lâm Xuân M1, bà Đoàn Thị Xuân T trình bày: Năm 2007, vợ chồng ông bà có mua đất của ông V (V X) một lô đất ở thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng nhưng không nhớ rõ diện tích của lô đất cụ thể bao nhiêu. Đến năm 2008, vợ chồng ông chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông Nông Văn M bằng diện tích mà ông, bà đã nhận chuyển nhượng của ông V trước đó. Khi chuyển nhượng cho ông M thì hai bên không tiến hành đo đạc cụ thể

mà chỉ giao ranh giới trên thực địa. Khi nhận chuyển nhượng của ông V thì trên đất này đã có một số cây cà phê do ông V trồng trước đó, sau đó vợ chồng ông cũng đã trồng cà phê thêm lên toàn bộ diện tích đất trên. Ngoài ra, không có cây trồng gì khác.

Diện tích đất ông, bà chuyển nhượng cho ông M có ranh giáp đất ông H1, bà M2. Diện tích đất của ông H1, bà M2 lúc đó còn trống chưa trồng gì và trong suốt quá trình canh tác thì giữa ông, bà với ông H1, bà M2 không xảy ra tranh chấp.

Khi chuyển nhượng thì giữa ông với vợ chồng ông M có viết giấy sang nhượng đất, có xác nhận của chính quyền địa phương và diện tích đất này chưa được cấp GCNQSD đất nhưng các bên thống nhất diện tích chuyển nhượng bằng với diện tích mà ông V đã chuyển nhượng cho ông, không có gì thay đổi.

- Ông Nguyễn Quốc V trình bày: Cuối năm 2007, ông có chuyển nhượng lô đất tại thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông M1, bà T với diện tích khoảng gần 1 héc ta. Khi chuyển nhượng thì các bên có viết giấy tay nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương và hiện nay thì giấy tờ này ông không còn lưu giữ. Trước đó vào năm 2006 khi Nhà nước tiến hành đo đạc, giải thửa và ông đứng ra kê khai diện tích đất mà mình sử dụng để xin cấp GCNQSD đất nên hiện nay ông vẫn đứng tên chủ sử dụng thửa đất này trong sổ địa chính. Hiện trạng đất vào thời điểm ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông M1, bà T theo đúng diện tích mà ông đã kê khai, đo đạc với địa chính xã R, không có gì thay đổi, ông đã trồng cà phê trên diện tích đất đó và chuyển nhượng ngay.

Việc chuyển nhượng giữa các bên đã thực hiện xong nên ông không có thắc mắc hay ý kiến gì. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X đã xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L và bị đơn vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H về việc không thanh toán giá trị cây trồng là 43 bụi chuối trên diện tích đất 876m² tại thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H.

Buộc vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L diện tích đã lấn chiếm là 876m² thuộc một phần các thửa 9, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H với tổng số tiền 5.376.000đ (*năm triệu bà trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L số tiền: 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/10/2017, bị đơn ông Nông Văn M kháng cáo không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến cấp phúc thẩm ngày 17/01/2018 nên căn cứ khoản 2, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà L theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông A, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà H phải trả lại cho ông, bà diện tích đất 876m² lấn chiếm thuộc các thửa 9, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X. Đối với cây trồng trên đất thì ông, bà sẽ có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cây trồng cho ông M, bà H. Nhưng phía ông M, bà H không đồng ý với yêu cầu này nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của ông Nông Văn M thì thấy rằng:* Theo hồ sơ thể hiện: Ngày 03/4/2008 vợ chồng ông M, bà H có nhận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 10.000m² của vợ chồng ông Lâm Xuân M1, bà Đoàn Thị Xuân T (bút lục 25). Diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi chuyển nhượng thì các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng và có xác nhận của chính quyền địa phương.

Khi chuyển nhượng thì giữa ông M, bà H với ông M1, bà T không đo đạc cụ thể mà các bên chỉ ranh giới, tuy nhiên không được lập thành văn bản nên không có căn cứ để chứng minh sự thống nhất ranh giới giữa các hộ có đất giáp ranh liền kề, cũng như diện tích đất cụ thể giữa các bên chuyển nhượng là bao nhiêu m². Tuy nhiên, theo lời khai của ông Nguyễn Quốc V (là chủ đất cũ) thì khi chuyển nhượng cho ông M1, bà T cả hai bên đều thống nhất diện tích đất chuyển nhượng bằng

diện tích đất của ông V đã sử dụng (bút lục 38); đồng thời khi ông M1, bà T chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông M, bà H thì các bên cũng thống nhất chuyển nhượng theo đúng diện tích đất mà ông V đã chuyển nhượng (bút lục 34). Diện tích đất này cũng đã được ông V đăng ký, kê khai trong sổ mục kê xã R là các thửa 16, 21 tờ bản đồ số 52, xã R, huyện X với tổng diện tích 9.804m².

Vì vậy, có căn cứ để xác định diện tích ông V chuyển nhượng cho ông M1, bà T và vợ chồng ông M1, bà T chuyển nhượng lại cho ông M, bà H cùng một diện tích là 9.804m², thuộc các thửa 16, 21, tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X.

Hơn nữa, theo kết quả đo vẽ ngày 06/7/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thì tổng diện tích đất tranh chấp là 876m²; trong đó diện tích 120m² thuộc thửa đất số 15 và diện tích 756m² thuộc thửa số 9, xã R và diện tích đất thực tế của vợ chồng ông M, bà H đang canh tác sử dụng là 10.680m² (bút lục 49). Do đó, diện tích đất thực tế của ông M, bà H sử dụng lớn hơn so với diện tích nhận chuyển nhượng là $10.680\text{m}^2 - 9.804\text{m}^2 = 876\text{m}^2$, diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông A, bà L thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định và đúng bằng diện tích mà vợ chồng ông A, bà L còn thiếu (bút lục 35, 49, 56). Do đó, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông M, bà H phải trả cho vợ chồng ông A, bà L diện tích đã lấn chiếm là 876m² thuộc một phần các thửa 9, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với giá trị cây trồng trên đất:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản (bút lục 47, 48, 53, 54) hiện nay trên diện tích đất 876m² các bên đang tranh chấp có tài sản là cây trồng bao gồm: 27 cây cà phê Robutta, trong đó có 24 cây cà phê Robutta loại A với giá 177.000đ/cây, thành tiền 4.248.000đ; 03 cây cà phê Robutta kiến thiết cơ bản loại A với giá 45.000đ/cây, thành tiền 135.000đ; 01 cây bơ kinh doanh loại A (8 năm), thành tiền 833.000đ; 43 bụi chuối trưởng thành (4-5 cây/bụi) với giá 240.000đ/bụi, thành tiền 10.320.000đ; 08 bụi dừa với giá 20.000đ/bụi, thành tiền 160.000đ. Tổng giá trị các loại cây trồng trên đất tranh chấp là 15.000.000đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận nguyên đơn không phải thanh toán giá trị cây chuối là: 10.320.000đ cho bị đơn. Vì vậy, cấp sơ thẩm chỉ buộc vợ chồng ông A, bà L thanh toán giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho vợ chồng ông M, bà H với tổng số tiền 5.376.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí xác minh, chi phí đo vẽ, chi phí định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) do nguyên đơn nộp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí này.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm*: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Nông Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Theo kết quả định giá tài sản (bút lục 53,54) thì diện tích 876m² có giá trị 12.614.400đ; vợ chồng ông M, bà H phải chịu án phí sơ thẩm trên phần giá trị đất phải trả lại cho vợ chồng ông A, bà L cụ thể: 12.614.400đ x 5% = 630.270đ.

Vợ chồng ông A, bà L phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 5.376.000đ thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông M, bà H là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nông Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L và bị đơn vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H về việc nguyên đơn không thanh toán giá trị cây trồng cho bị đơn là 43 bụi chuối trên diện tích đất 876m² tại thôn 2, xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H.

Buộc vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L diện tích đã lấn chiếm là 876m² thuộc một phần các thửa 9, 15 tờ bản đồ số 52 tại xã R, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. (Đính kèm họa đồ trích đo địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X lập ngày 06/7/2017).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H với tổng số tiền 5.376.000đ (*năm triệu bà trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L số tiền: 6.700.000đ (*sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nông Văn M, bà Trương Thị H phải chịu 630.720đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003439 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Vợ chồng ông M, bà H còn phải nộp 630.720đ án phí.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.00đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003955 ngày 27/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Vợ chồng ông A, bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

Thành phần Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hồng

Vũ Thị Nguyệt

Bùi Hữu Nhân